

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN TIẾP CẬN TỪ THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG (TRƯỜNG HỢP NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ TRƯỜNG ĐHSP – ĐH THÁI NGUYÊN)

Hà Thị Thu Thủy*

Trường Đại học Sư phạm – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Phát triển chương trình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp là một xu hướng phổ biến trong giáo dục đại học ở các nước có nền giáo dục tiên tiến trên Thế giới. Vận động theo xu hướng này, những năm đầu thế kỉ XXI, Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam đã phê duyệt thực hiện thí điểm ở một số trường Đại học, dự án “*Giáo dục đại học theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng*” (viết tắt là Dự án POHE do Chính phủ Hà Lan tài trợ). Điểm mấu chốt dự án là thổi vào giáo dục đại học Việt Nam một cách tiếp cận mới – cách tiếp cận từ đánh giá của thị trường lao động về nhu cầu lao động và năng lực nghề nghiệp của người lao động. Trong bài viết này, trên cơ sở trình bày về thực trạng, giải pháp phát triển năng lực nghề nghiệp ở trường ĐHSP Thái Nguyên từ phản ánh của các nhà sử dụng lao động, tác giả mong muốn đưa ra một khuyến nghị trong việc đổi mới chương trình đào tạo của các trường sư phạm hiện nay.

Từ khóa: *Năng lực nghề nghiệp, Chương trình, Thị trường lao động*

MỞ ĐẦU

Phát triển chương trình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp là một xu hướng phổ biến trong giáo dục đại học ở các nước có nền giáo dục tiên tiến trên Thế giới. Vận động theo xu hướng này, những năm đầu thế kỉ XXI, Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam đã phê duyệt thực hiện thí điểm ở một số trường Đại học, dự án “*Giáo dục đại học theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng*” do Chính phủ Hà Lan tài trợ (viết tắt là POHE). Điểm mấu chốt dự án là thổi vào giáo dục đại học Việt Nam một cách tiếp cận mới – cách tiếp cận từ đánh giá của thị trường lao động về nhu cầu lao động và năng lực nghề nghiệp của người lao động. Trong bài viết này, trên cơ sở trình bày về thực trạng, giải pháp phát triển năng lực nghề nghiệp ở trường ĐHSP Thái Nguyên từ phản ánh của các nhà sử dụng lao động, tác giả mong muốn đưa ra một khuyến nghị trong việc đổi mới chương trình đào tạo của các trường sư phạm hiện nay.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để có cơ sở phát triển chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận thị trường lao động, trước

hết cần có kết quả khảo sát. Khoa Lịch sử phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường phổ thông ở 6 tỉnh Quảng Ninh, Cao Bằng, Bắc Kạn, Hà Giang, Tuyên Quang và Thái Nguyên khảo sát bằng phiếu. Cơ cấu mẫu phiếu là 2: Mẫu 1 là phiếu hỏi đối với 70 giáo viên là cựu sinh viên Khoa Lịch sử trường ĐHSP Thái Nguyên. Mẫu 2 hỏi 25 cán bộ quản lý các trường phổ thông gồm quản lí bộ môn, Ban Giám hiệu các trường phổ thông, lãnh đạo, chuyên viên Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh. Các số liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS nhằm đưa ra các kết quả thống kê toán học và kiểm định các giả thuyết thống kê trong quá trình khảo sát thực tiễn.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đánh giá chương trình đào tạo dưới góc độ nhà sử dụng lao động

Trong bài viết này, tác giả tập trung phân tích phản ánh của các nhà sử dụng (lãnh đạo Sở GD và ĐT; quản lí cấp trường, cấp bộ môn ở trường phổ thông) về một số nhóm kĩ năng đặc thù của các sinh viên tốt nghiệp trường sư phạm nói chung và ngành Sư phạm Lịch sử nói riêng. Trước hết là nhóm kĩ năng nghề nghiệp, các nhà quản lý đánh giá sinh viên tốt

* Tel: 0912 804549, Email: hathuthuy@dhsptn.edu.vn

ngành SP Lịch sử của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên ở mức độ khá (bảng 1).

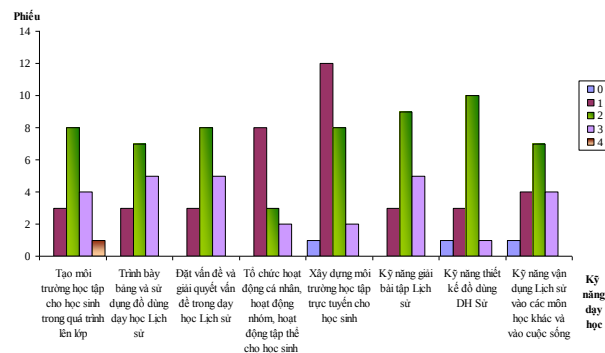
Bảng 1. Nhóm kỹ năng nghề nghiệp của giáo viên

T T	Kỹ năng nghề nghiệp	Mức độ đạt được				
		0	1	2	3	4
1	Tìm hiểu CT và SGK	0	5	3	11	6
2	Lập kế hoạch DH và GD	0	4	5	11	5
3	Thiết kế giáo án dạy học	1	3	4	13	4
4	Tổ chức các hoạt động DH	1	2	9	8	5
5	Tổ chức các hoạt động GD	2	3	6	11	3
6	Đánh giá kết quả của HS	0	3	6	11	5
7	Phát triển nghề nghiệp	2	5	6	11	1
Tổng		6	25	39	76	29

Bảng 1 cho thấy, số phiếu đánh giá ở mức 3 đạt cao nhất (76/175 phiếu, chiếm 43,4%), mức 2 đạt 39 phiếu (chiếm 22,3%), mức 4 đạt 29 phiếu (chiếm 16,6%) và mức 1, mức 0 đạt 31 phiếu (chiếm 17,7%). Trong đó, kỹ năng thiết kế giáo án dạy học ở mức độ 3 đạt cao nhất (13/25 phiếu, chiếm 52%). Các kỹ năng khác như tìm hiểu chương trình và SGK; lập kế hoạch dạy học và giáo dục; thiết kế giáo án dạy học; tổ chức các hoạt động giáo dục; kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh; phát triển nghề nghiệp cũng đạt 11/25 phiếu đánh giá ở mức độ 3 (chiếm 44%). Thậm chí, có những kỹ năng của người giáo viên được các nhà quản lý đánh giá tốt (mức độ 4) như kỹ năng tìm hiểu chương trình và SGK; lập kế hoạch dạy học và giáo dục; tổ chức các hoạt động dạy học; kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh (5-6 phiếu). Riêng ở mức độ 1 và 2, các kỹ năng nghề nghiệp được đánh giá dao động ở mức khá từ 7 – 11 phiếu (tính trung bình là 9/25 phiếu - đạt khoảng trên 30%). Mặc dù, ít số phiếu đánh giá ở mức thấp, nhiều kỹ năng được xem xét và đánh giá vượt qua mức 0 nhưng bảng 1 cũng cho thấy, cần lưu ý và đúc rút kinh nghiệm trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục và phát triển nghề nghiệp.

Về kỹ năng dạy học, qua biểu đồ dưới đây, các đánh giá ở mức 3 cho các kỹ năng dạy học đạt số phiếu cao nhất (70/175 phiếu, chiếm 35%), mức 2 đạt 60 phiếu (chiếm 30%). Tuy nhiên, tổng số phiếu ở mức 1 và 2 vẫn ở mức

cao (42/175 phiếu, chiếm 21%) có nghĩa là cần chú ý hơn nữa tới việc bồi dưỡng nhóm kỹ năng này cho người giáo viên.



Hình 1. Kỹ năng dạy học của giáo viên Lịch sử

Theo đánh giá của cán bộ quản lý, những kỹ năng cơ bản của giáo viên Lịch sử đạt mức khá như Tạo môi trường học tập cho học sinh trong quá trình lên lớp; Trình bày bảng và sử dụng đồ dùng dạy học Lịch sử; kỹ năng Thiết kế đồ dùng DH Sử đều đạt 10/25 phiếu, chiếm 40%. Đặc biệt, kỹ năng Tổ chức hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, hoạt động tập thể cho học sinh được đánh giá và nhìn nhận ở mức độ khá cao (12/25 phiếu). Một số kỹ năng được nhiều nhà quản lý đánh giá tốt như Trình bày bảng và sử dụng đồ dùng dạy học Lịch sử; Đặt vấn đề và giải quyết vấn đề trong dạy học Lịch sử; Kỹ năng giải bài tập Lịch sử (đạt 5/25 phiếu). Tuy nhiên, giáo viên Lịch sử cũng cần chú ý tới kỹ năng xây dựng môi trường học tập trực tuyến cho học sinh (12/25 phiếu đánh giá ở mức độ 1, chiếm 48%). Đây là hạn chế chung của giáo viên ở nhiều trường THPT khu vực miền núi hiện nay. Đồng thời, cần nâng cao kỹ năng thiết kế đồ dùng dạy học Lịch sử; Kỹ năng vận dụng Lịch sử vào các môn học và cuộc sống.

Về kỹ năng hoạt động trong môi trường nhà trường, kết quả khảo sát cho thấy, kỹ năng hoạt động trong môi trường nhà trường của giáo viên Lịch sử có sự phân hóa rõ rệt (bảng 2).

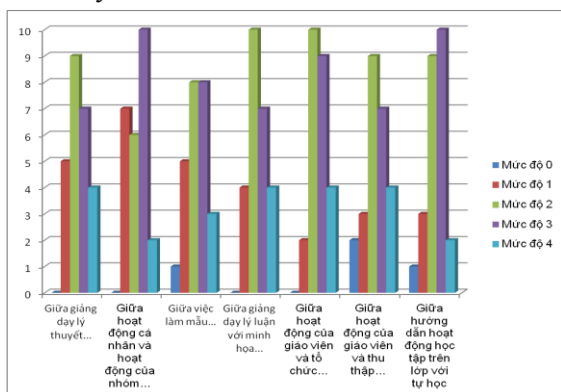
Trong đó, kỹ năng ứng xử với đồng nghiệp và kỹ năng ứng xử với học sinh được đánh giá ở mức 3 và mức 4 chiếm số lượng lớn (lần lượt là 19/25 và 19/25 phiếu, chiếm 76%). Điều

này chứng tỏ, trình độ chuyên môn, lối sống và phẩm chất đạo đức của giáo viên Lịch sử giữ uy tín cao với học sinh và đồng nghiệp. Các kỹ năng còn lại như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp cũng được xem xét ở mức khá. Tuy nhiên, cần bổ sung và nâng cao kỹ năng điều phối hoạt động và kỹ năng Phối hợp các lực lượng giáo dục trong trường để giáo dục học sinh.

Bảng 2. Nhóm kỹ năng hoạt động trong môi trường nhà trường

T	T	Kỹ năng nghề nghiệp	Mức độ đạt được				
			0	1	2	3	4
1		Kỹ năng làm việc theo nhóm	0	5	7	9	4
2		Kỹ năng giao tiếp	0	2	8	7	8
3		Kỹ năng ứng xử với đồng nghiệp	0	3	3	11	8
4		Kỹ năng ứng xử với học sinh	1	2	3	10	9
5		Kỹ năng điều phối hoạt động	2	4	7	9	3
6		Phối hợp các lực lượng GD trong trường để GDHS	1	4	7	8	5

Về nhóm kỹ năng điều phối trong quá trình dạy học Lịch sử, được thể hiện trong biểu đồ dưới đây.



Hình 2. Kỹ năng điều phối trong quá trình dạy học của giáo viên Lịch sử

Hình trên cho thấy các kỹ năng đều được đánh giá ở mức độ 2 và 3 (dao động ở mức 16/25 – 19/25 phiếu), nhất là các kỹ năng điều phối giữa hoạt động của giáo viên và tổ chức hoạt động cho học sinh; kỹ năng điều phối giữa hướng dẫn hoạt động học tập trên lớp với hướng dẫn hoạt động tự học, tự nghiên cứu của học sinh (đều đạt 19/25 phiếu), chiếm 76%. Để nhóm kỹ năng này được đánh giá ở mức độ cao hơn (nghĩa là giảm số phiếu ở mức 2 và tăng số phiếu ở mức 3 và 4) cần đưa ra chuẩn mới và phương cách đổi mới phương

pháp dạy – học trong quá trình đào tạo cử nhân ngành SP Lịch sử. Đồng thời cần khắc phục những hạn chế cơ bản mà các nhà quản lý đánh giá ở mức 0 như kỹ năng điều phối giữa hoạt động của giáo viên và thu thập thông tin phản hồi từ học sinh; Kỹ năng điều phối giữa việc làm mẫu và hướng dẫn học sinh giải bài tập Lịch sử. Đặc biệt, những hạn chế về kỹ năng điều phối giữa hoạt động cá nhân và hoạt động của nhóm học sinh trong triển khai nhiệm vụ vận dụng Lịch sử vào các môn học khác và vào thực tiễn cần được bồi dưỡng nâng cao hơn để quá trình dạy học đảm bảo tính liên tục, logic và khoa học. Vì có 7/25 phiếu chiếm 28% đánh giá ở mức độ 1.

Đánh giá về nhóm kỹ năng hoạt động trong môi trường xã hội, kết quả khảo sát cho thấy (bảng 3), kỹ năng hoạt động trong môi trường xã hội của cựu sinh viên Lịch sử là giáo viên phổ thông hiện nay được đánh giá ở mức độ khá, nhất là kỹ năng ứng xử với các tổ chức hành chính (12/25 phiếu – chiếm 48%), sau đó đến các kỹ năng ứng xử với phụ huynh (11/25 phiếu – chiếm 44%) và kỹ năng ứng xử với các tổ chức xã hội (9/25 phiếu – chiếm 36%). Tuy nhiên, kỹ năng ứng xử với các tổ chức thuộc các ngành kinh tế, tài chính và ngân hàng tại địa phương được đánh giá ở mức thấp (1/25 phiếu ở mức 0 và 7/25 phiếu ở mức 1) – chiếm khoảng 32%. Do vậy, trong chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng cần chú trọng hơn nữa tới việc bồi dưỡng kỹ năng này cho giáo viên.

Bảng 3. Nhóm kỹ năng hoạt động trong môi trường xã hội của giáo viên Lịch sử

T	T	Kỹ năng nghề nghiệp	Mức độ đạt được				
			0	1	2	3	4
1		Ứng xử với phụ huynh	0	3	6	11	5
2		Ứng xử với tổ chức hành chính	0	3	6	12	4
3		Ứng xử với các tổ chức xã hội	0	4	5	9	7
4		Ứng xử với các tổ chức kinh tế	1	7	7	7	3

Kết quả khảo sát trên cho thấy tất cả các nhóm kỹ năng đều được các nhà quản lý đánh giá sinh viên tốt nghiệp ngành SP Lịch sử của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên ở mức độ khá (mức 3). Mức độ tốt (mức 4) và trung bình (mức 2) có tỷ lệ bằng

nhau, cá biệt có những kỹ năng ở mức 0. Do vậy, trong những năm gần đây, chương trình đào tạo của khoa Lịch sử Sư phạm Thái Nguyên đã chú trọng hơn trong việc phát triển các kỹ năng này cho sinh viên.

Một số biện pháp và kết quả đạt được trong đào tạo giáo viên ngành Sư phạm Lịch sử ở trường ĐHSPT Thái Nguyên

Xây dựng chương trình đào tạo theo hướng giảm lý thuyết tăng thực hành, cấu trúc chương trình đáp ứng yêu cầu dịch chuyển nghề nghiệp

Trong giai đoạn hiện nay, các nhà tuyển dụng lao động luôn đặt chất lượng và hiệu quả công việc lên hàng đầu, sự cạnh tranh việc làm của sinh viên sau khi ra trường ngày càng gay gắt. Do vậy, mỗi sinh viên cần được trang bị những kiến thức, kỹ năng và thái độ trong các môi trường học tập như trên giảng đường, thực tế ở trường THPT và xã hội. Để đáp ứng những yêu cầu trên, các trường đại học cần có sự đổi mới về chương trình, nội dung và phương pháp giảng dạy.

Xuất phát từ thực tế đó, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên đã xây dựng lại chương trình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng. Trên thực tế, sau khi tốt nghiệp, sinh viên ngành Lịch sử làm việc được trong các lĩnh vực sau: Giáo viên môn Lịch sử ở trường phổ thông; Giảng viên môn Lịch sử ở các trường Đại học, Cao đẳng, trường Chính trị tỉnh, các trung tâm Lý luận Chính trị huyện; Nghiên cứu viên tại các Viện nghiên cứu Lịch sử và Khoa học xã hội và Nhân văn; Chuyên viên các cơ quan quản lý nhà nước, đoàn thể và tổ chức xã hội như Ban Tuyên giáo, Ban Dân tộc Tôn giáo, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng, Sở Văn hóa – Thể thao – Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giáo dục và Đào tạo, Huyện đoàn, Tỉnh đoàn, Liên đoàn Lao động, Mặt trận Tổ quốc từ Trung ương đến địa phương; Phòng viên, biên tập viên báo chí đài phát thanh và truyền hình từ địa phương đến trung ương; Bảo tàng viên, thuyết minh viên tại bảo tàng Lịch sử,

văn hóa, khu quản lý Di tích Lịch sử, nhà truyền thống.

Trong đó, số lượng sinh viên tốt nghiệp làm việc trong ngành giáo dục, giáo viên chiếm tỷ lệ lớn. Đây được gọi là nghề nghiệp đặc trưng mà chương trình đào tạo cần đáp ứng được nghề nghiệp này trước nhất. Điều này có liên quan chặt chẽ tới việc xây dựng năng lực sinh viên sư phạm Lịch sử, coi đây là công cụ chuẩn (chuẩn năng lực sinh viên sư phạm Lịch sử) định hướng mục tiêu, chương trình đào tạo, phương pháp đào tạo, hoạt động đào tạo sinh viên ngành Sư phạm Lịch sử trường ĐHSPT – ĐH Thái Nguyên. Hồ sơ năng lực của SV ngành Sư phạm Lịch sử bao gồm hệ thống năng lực và các modul kiến thức đáp ứng yêu cầu của các năng lực đó. Cụ thể: các năng lực chung cần thiết cho các ngành nghề (năng lực tìm hiểu môi trường giáo dục, năng lực dạy học, năng lực giao tiếp); Năng lực chung của sinh viên nhóm ngành KHXH (năng lực tư duy tổng hợp theo lãnh thổ, năng lực sử dụng bản đồ, năng lực dạy học thực địa); Năng lực đặc thù (Năng lực sử dụng tư liệu Lịch sử, năng lực tạo biểu tượng, hình thành khái niệm, nêu quy luật lịch sử, năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm lịch sử)... Dựa trên hồ sơ năng lực cấu trúc khung chương trình đào tạo gồm 4 khối kiến thức chính (135 tín chỉ): Khối kiến thức chung 24 tín chỉ; Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành 63 tín chỉ; Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm: 41 tín chỉ; Khóa luận và các học phần thay thế khóa luận: 7 tín chỉ. So sánh với chương trình cũ khối kiến thức ngành và chuyên ngành giảm và khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm tăng lên về tỷ lệ trong tổng số khối kiến thức toàn khóa. Vì đây là khối kiến thức có lợi thế trong việc phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên trong quá trình đào tạo tại nhà trường Sư phạm.

Đổi mới phương pháp dạy học và các hoạt động học tập của sinh viên

Với chương trình đào tạo tăng cường giờ thực hành, giảm giờ lý thuyết, tăng cường các hoạt

động học tập của SV nên các phương pháp dạy và học được áp dụng trong chương trình giúp sinh viên tích lũy và hình thành các năng lực đã được xác định trong hồ sơ năng lực. Với mỗi học phần, giảng viên lựa chọn phương pháp giảng dạy và các hoạt động học tập thích hợp với nội dung học phần. Giảng viên là người chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về các hoạt động dạy và học, tiêu chí đánh giá kết quả học tập vv... ngay ở buổi lên lớp đầu tiên của học phần đó cho sinh viên. Các phương pháp giảng dạy được sử dụng bao gồm: Với nội dung lý thuyết (chiếm tỷ trọng 50% thời lượng giảng dạy), giảng viên thuyết trình, nêu vấn đề, hướng dẫn thảo luận, tổ chức dạy học nhóm, yêu cầu sinh viên đọc tài liệu, nghiên cứu tình huống, thảo luận, hoàn thành các yêu cầu của giảng viên. Với nội dung thực hành (chiếm tỷ trọng 50% thời lượng giảng dạy), dựa vào thực tế của môn học, giảng viên tổ chức thực hành trên lớp hoặc tổ chức thực hành ngoài thực địa, bảo tàng, thực tế ở trường phổ thông. Giờ học cũng được tổ chức linh hoạt tại giảng đường, thư viện hoặc thực địa. Do vậy, giảng viên tham gia giảng dạy chương trình mới đóng nhiều vai trò, là người thầy, người hướng dẫn, người nghiên cứu nên giảng viên phải đầu tư thời gian, chuyên môn để thiết kế các tài liệu giảng dạy vừa đảm bảo mục tiêu của chương trình, vừa đảm bảo mục tiêu môn học. Trong đó đặc biệt là thiết kế chi tiết đề cương môn học, đây là tài liệu cốt lõi để sinh viên định hướng được những nội dung của môn học trong chương trình đào tạo.

Về hoạt động học tập của sinh viên, chương trình đào tạo mới đòi hỏi sinh viên áp dụng các phương pháp học tập tích cực, phù hợp với đào tạo năng lực thì mới có thể đạt được các mục tiêu học tập của chương trình đào tạo, mục tiêu của từng học phần. Với nội dung lý thuyết: Sinh viên chủ động tham khảo tài liệu môn học, trao đổi, thảo luận với bạn bè, hoàn thành bài tập, tiểu luận giảng viên yêu cầu. Với nội dung thực hành, thảo luận: viết báo cáo, thảo luận, thực hành theo nhóm

đăng kí. Thực tập nghề nghiệp: Chủ động liên hệ với giáo viên hướng dẫn, tích cực học hỏi, soạn bài và lên lớp theo yêu cầu của giáo viên ở trường phổ thông. Khóa luận tốt nghiệp: tích cực sưu tầm tài liệu, viết lịch sử vấn đề nghiên cứu, xây dựng đề cương sơ lược, đề cương chi tiết, viết báo cáo dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

Đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên POHE để đảm bảo rằng sinh viên đạt được các mục tiêu học tập, các năng lực đặt ra ở từng giai đoạn trong quá trình đào tạo. Đánh giá quá trình chiếm 50% trọng số điểm của môn học và đánh giá gồm các điểm chuyên cần; kiểm tra thường xuyên và kiểm tra giữa kì; thi kết thúc học phần chiếm tỷ trọng 50% điểm môn học. Sau gần 4 năm thực hiện chương trình đào tạo mới, từ chỗ chỉ chủ yếu đánh giá bằng hình thức tự luận, khoa Lịch sử đã đa dạng hoá với các hình thức thi kết thúc học phần như thi tự luận đối với các môn học được cấu trúc dưới dạng các chuyên đề, thi vấn đáp đối với các môn học học thông sử, thi thực hành, báo cáo đối với các môn học thuộc khối kiến thức nghiệp vụ. Các hình thức thi bước đầu thu được kết quả phản hồi tốt của sinh viên.

Nhìn chung, so với chương trình đào tạo trước, chương trình đào tạo mới có những thay đổi đáng kể. Mặc dù tiết lý thuyết giảm nhưng vẫn đảm bảo những kiến thức cơ bản nhất, mới nhất về môn học; tăng thời gian thực hành, thực tế tại di tích lịch sử, bảo tàng, tăng cường thực tế nghề nghiệp tại các trường THPT giúp SV có được đầy đủ các năng lực cần thiết khi kết thúc chương trình. Các phương pháp dạy học và hình thức tổ chức dạy học đa dạng, sinh viên là người làm chủ quá trình lĩnh hội tri thức; đa dạng các hình thức đánh giá thường xuyên, định kì và đánh giá kết thúc môn học. GV được tham gia tập huấn, học hỏi kinh nghiệm ở trong và ngoài nước, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho GV. Sinh viên có nhiều thời gian thực tế môn học tại các di tích Lịch sử lớn, thực tế tại các

trường THPT, gắn học với hành, lý thuyết với thực tiễn.

KẾT LUẬN

Chất lượng dạy học ở trường phổ thông muốn đáp ứng được yêu cầu xã hội, một yếu tố mang tính then chốt là người giáo viên. Cho nên cần thiết phải đổi mới chương trình đào tạo và bồi dưỡng giáo viên trong các trường Sư phạm. Bước đi đầu tiên của đổi mới việc đào tạo giáo viên chính là phát triển chương trình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu chất lượng nguồn nhân lực. Cần thay đổi chương trình và phương pháp dạy học, tạo những điều kiện thuận lợi nhất về kiến thức cũng như kỹ năng để sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể hội nhập sâu hơn nữa vào thị trường lao động rộng lớn. Nội dung chương trình mới nên được xây dựng theo

hướng tăng cường thực hành, thực tế sư phạm để sinh viên sớm quen với môi trường làm việc, phát triển năng lực sinh viên, giải quyết các vấn đề của thực tiễn dạy học hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD & ĐT (2015), *Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên phổ thông của các cơ sở đào tạo giáo viên*, (Tài liệu nội bộ).
2. Phạm Hồng Quang (2013), *Phát triển chương trình đào tạo giáo viên- Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Đại học Thái Nguyên.
3. *Quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, giáo viên trung học phổ thông* ban hành kèm theo Thông tư số 30/2009/TT của Bộ GD và ĐT ngày 22 tháng 10 năm 2009/TT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
4. Jeungsil Yang (2014) *A Study on the Development Of Character Education through Subject Education*, Printed by Bumsin Publishing, Korea Institute for Curriculum and Evaluation.

ABSTRACT

DEVELOPING CAREER COMPETENCE IN TEACHER TRAINING CURRICULUM THROUGH APPROACHING LABOR MARKET
(A CASE STUDY OF HISTORY EDUCATION MAJOR AT THAI NGUYEN UNIVERSITY OF EDUCATION)

Hà Thị Thu Thủy*

University of Education - TNU

Developing career-oriented training programs is the popular tendency in university education of developed education countries. The Profession Oriented Higher Education project (POHE), funded by the Netherlands Government, has brought a new approach from labor market to Vietnamese university education. In this paper, having based on the actual situation, the solutions to develop career competence in Thai Nguyen University of Education, and the reflection of employers, the author wishes to give a recommendation in innovating the training curriculums of Education universities.

Keyword: Career Competence, Curriculum, Labor market

Ngày nhận bài: 17/8/2018; Ngày hoàn thiện: 17/12/2018; Ngày duyệt đăng: 28/12/2018

* Tel: 0912 804549, Email: hathuthuy@dhsptn.edu.vn